

CÔNG TY CP CAO SU SAO VÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 38 /BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2019

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG NĂM 2018**

*(Ban hành theo Thông tư Số: 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của
Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100625
- Vốn điều lệ: 280.657.650.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 280.657.650.000 đồng
- Địa chỉ: Số 231 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 024.38583656
- Số Fax: 024.38583644
- Website: www.SRC.com.vn
- Mã cổ phiếu: SRC, Sàn giao dịch: HOSE

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày thành lập: Nhà máy Cao su Sao vàng được thành lập. Ngày 23/05/1960, ngày 27/08/1992 Nhà máy Cao su Sao Vàng được đổi tên thành Công ty Cao su Sao Vàng theo quyết định số 645/CNNG của Bộ Công Nghiệp nặng.
- Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần: Ngày 24/10/2005 Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được thành lập theo quyết định số 3500/QĐ-BCN về việc chuyển Công ty Cao su Sao Vàng thành Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng. Ngày 03/04/2006, Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng được Sở kế hoạch đầu tư thành phố



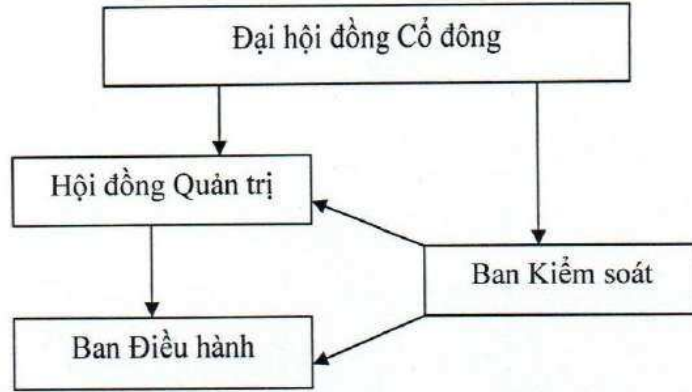
- Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu với vốn điều lệ là 49.048.000.000 đồng.
- + Ngày 07/12/2006, Công ty thay đổi lại đăng ký kinh doanh lần đầu với số vốn điều lệ là: 80.000.000.000 đồng
 - + Ngày 27/07/2007, Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần 2 với số vốn điều lệ là: 108.000.000.000 đồng.
 - + Ngày 20/7/2012, Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần 3 với số vốn điều lệ là: 162.000.000.000 đồng.
 - + Ngày 02/8/2013 Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần 6 với vốn điều lệ là: 182.249.940.000 đồng
 - + Ngày 14/07/2015 Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần 7 với vốn điều lệ: 200.474.150.000 đồng.
 - + Ngày 25/11/2016 Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần 8 với vốn điều lệ: 280.657.650.000 đồng.
 - + Ngày 08/03/2019 Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần 9 với vốn điều lệ: 280.657.650.000 đồng. Ông Nguyễn Việt Hùng – TGD là người Đại diện Pháp luật của Công ty.
- Niêm yết: Ngày 07/10/2009, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SRC.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh các sản phẩm cao su, kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị máy móc, hoá chất phục vụ sản xuất ngành công nghiệp Cao su, chế tạo, mua bán máy móc thiết bị phục vụ ngành Cao su, cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng kho bãi, mua bán sửa chữa bảo dưỡng ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế, mua bán kính mắt thời trang, thiết bị quang học, mua bán hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, đồ dùng cá nhân và gia đình, đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá, kinh doanh các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm.
- Địa bàn kinh doanh: Địa bàn kinh doanh toàn quốc, xuất khẩu sang các nước Angola, Cambodia, Laos, Indonesia, Malaysia, Philippines, Ai cập, Mỹ, Yemen, Bangladesh, Pakistan... Các địa bàn kinh doanh có doanh thu chiếm trên 10% tổng doanh thu trong năm 2018 gồm: Hà Nội, TP Hồ Chí Minh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình Quản trị: Theo luật Doanh nghiệp, Mô hình quản trị Công ty CP cao su Sao Vàng như sau:



Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng duy trì mô hình tổ chức bao gồm các phòng ban đặt tại trụ sở chính, các xí nghiệp và chi nhánh trực thuộc. Hiện nay Công ty có 14 phòng, 02 trung tâm, 05 xí nghiệp trực thuộc và 03 Chi nhánh, cụ thể như sau:

STT	Tên	STT	Tên
1	Phòng Tài chính kế toán	12	Phòng Môi trường an toàn
2	Phòng Tổ chức Hành chính	13	Phòng Quản trị bảo vệ
3	Phòng Kế hoạch - Kho vận	14	Trung tâm cao su kỹ thuật
4	Phòng Vật tư	15	Xí nghiệp cao su số 1
5	Phòng Xuất khẩu	16	Xí nghiệp cao su số 3
6	Phòng Tiếp thị bán hàng	17	Xí nghiệp cao su kỹ thuật
7	Phòng Marketing	18	Xí nghiệp cơ điện-Năng lượng
8	Phòng Kỹ thuật cao su	19	Xí nghiệp luyện cao su Xuân Hòa
9	Phòng Kỹ thuật cơ năng	20	Chi nhánh Thái Bình
10	Trung tâm chất lượng	21	Chi nhánh Đà Nẵng
11	Phòng Xây dựng cơ bản	22	Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh

Các công ty con, công ty liên kết:

+ Công ty đã thực hiện góp vốn vào Công ty CP Philips Carbon Black, để đầu tư vào dự án sản xuất than đen tại Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vốn góp tại Công ty CP Philip Carbon Black là: 8.444.062.358 đồng, ngoài ra Công ty đã ứng trước tiền góp vốn với số tiền: 2.966.978.675 đồng, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư góp vốn trên đến 31/12/2018 với số tiền: 2.974.871.504 đồng và đang trong quá trình làm thủ tục thoái vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017.

+ Công ty đã thực hiện góp vốn liên doanh, liên kết thành lập Công ty TNHH Sao Vàng Hoành Sơn để triển khai thực hiện hợp đồng Hợp tác đồng tác đầu tư số 18/2016/HĐHTĐT/SRC-HS ngày 15/06/2016 để thực hiện dự án “Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng – Hoành Sơn”. Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn được thành lập và chịu trách nhiệm triển khai dự án, người đại diện của phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng Hoành Sơn là Ông Nguyễn Quang Hào – Phó Tổng Giám đốc. Vốn điều lệ Công ty TNHH Sao Vàng Hoành Sơn trong năm 2018 là 500 tỷ đồng, với tỷ lệ góp vốn là:

- Công ty CP Tập đoàn Hoành sơn: 44,59%.
- Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Hưng Thịnh Phát: 29,41%.
- Công ty CP Cao Su Sao Vàng: 26%.

Số tiền góp vốn này được Công ty CP Tập đoàn Hoành sơn cho Công ty vay với lãi suất 0%/năm kể từ ngày chuyển tiền đến khi Công ty CP Cao su Sao vàng thoái được phần vốn góp tại Công ty TNHH Sao vàng – Hoành Sơn theo quy định của pháp luật.

Đến thời điểm 31/12/2018, dự án vẫn đang tiếp tục thực hiện giai đoạn 1 hoàn thành thủ tục pháp lý.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn hỗ trợ kinh phí để Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng di dời nhà máy về khu Công nghiệp Châu Sơn, TP Phú Lý, Tỉnh Hà Nam là 435 tỷ đồng chưa bao gồm các loại thuế, được chia làm 4 đợt chuyển tiền và bắt đầu thực hiện từ năm 2016. Tới thời điểm ngày 31/12/2018 Công ty CP Tập đoàn Hoành sơn đã chuyển 02 đợt cho Công ty CP Cao Su Sao Vàng với số tiền là 143.500.000.000 đồng.

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Mục tiêu chính của Công ty: luôn luôn là thương hiệu sản xuất lốp xe và sản phẩm Cao su kỹ thuật hàng đầu về chất lượng ở Việt Nam, phấn đấu trở thành thương hiệu mang tầm khu vực và Quốc tế.

+ Không ngừng đổi mới thiết bị và công nghệ, đồng thời nghiên cứu hợp tác với các đối tác nước ngoài để sản xuất các sản phẩm mới đạt chất lượng cao, phù hợp với điều kiện sử dụng ở Việt Nam như: Lốp ô tô cỡ lớn, lốp nông/lâm nghiệp, Băng tải cường lực cao, Săm ô tô Butyl, lốp ô tô Radian, lốp xe máy không săm, lốp xe đạp điện, săm xe máy Butyl... đáp ứng nhu cầu phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam và xuất khẩu trong 10 năm tới.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Công ty đang triển khai giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án Di dời và sản xuất lốp Radial tại KCN Châu Sơn, Phú Lý, Hà Nam.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Công ty có bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường: Có phòng Môi trường - An toàn.
- Công ty đã được cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong năm: Không
- Công ty có bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt (nếu có thì nêu lý do): Không
- Công ty đã được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước (nếu không thì nêu lý do): Có
- Công ty đã được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (nếu không thì nêu lý do): Có
- Công ty đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải: Có
- Công ty đang áp dụng hệ thống QLMT theo ISO 14001: Có

Kết quả đo đạc, phân tích lấy mẫu định kỳ các thông số môi trường:

• Về nước thải: Nước sản xuất của Công ty chủ yếu sử dụng để làm mát máy và tạo hơi nóng, đồng thời Công ty đã sử dụng hệ thống tuần hoàn khép kín nên không có lượng nước thải ra môi trường, chỉ có lượng nhỏ nước ngưng tụ thoát theo hệ thống nước thải sinh hoạt. Công ty thực hiện xử lý nước thải bằng bể vi sinh yếm khí trước khi thải nước sinh hoạt ra ngoài. Công ty thực hiện quan trắc môi trường định kỳ với tần suất 4 lần/năm và kết hợp với Trung tâm y tế- môi trường lao động Công nghiệp – Bộ công thương giám sát lấy mẫu nước thải tại Công ty 01 lần/ năm. Qua các đợt kiểm tra kết quả các chỉ tiêu kiểm tra đều đạt chuẩn cho phép.

Kết quả quan trắc nước thải sản xuất:

Tại Hà Nội

TT	Thông số	Đơn vị	Ngày đo				QCTĐHN	QCVN
			4/01/18	27/04/18	13/7/18	3/10/18	02:2014/ BTNMT	14:2008/ BTNMT
							(B)	
1	Nhiệt độ		20,5	24,5	24,1	23,8	40	-
2	Màu	Pt/Co	22	46	31	<5	150	-
3	pH		7,76	8,54	6,76	7,41	5,5 - 9	5 - 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	7,76	3,8	3,8	<1	50	50
5	COD	mg/L	4,6	20,9	14,9	10,4	150	-

6	TSS	mg/L	11	5	20	17	100	100
7	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	230	183	231	229	-	1.000
8	Asen (As)	mg/L	0,0119	0,015	0,016	0,0252	0,1	-
9	Cadimi (Cd)	mg/L	<0,0004	<0,0004	<0,0004	<0,0004	0,1	-
10	Chì (Pb)	mg/L	0,0023	<0,0016	<0,0016	<0,0016	0,5	-
11	Thủy ngân (Hg)*	mg/L	<0,0002	<0,0002	<0,0002	<0,0002	0,01	-
12	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	<0,0023	<0,003	<0,003	<0,003	0,1	-
13	Đồng (Cu)	mg/L	<0,02	<0,02	<0,02	<0,02	2	-
14	Kẽm (Zn)	mg/L	0,09	<0,02	<0,02	0,293	3	-
15	Dầu mỡ động thực vật*	mg/L	4,1	0,60	<0,3	<0,3	-	20
16	Niken	mg/L	<0,03	<0,03	<0,03	<0,03	0,5	-
17	Mangan (Mn)	mg/L	0,16	0,1	0,128	<0,03	1	-
18	Sắt (Fe)	mg/L	0,805	1,19	1,01	5,56	5	-
19	Phosphat (PO ₄ ³⁻) tính theo P	mg/L	0,14	0,04	0,05	0,75	-	10
20	Tổng Phenol	mg/L	<0,003	<0,001	<0,001	<0,001	0,5	-
21	Tổng Xianua (CN ⁻)	mg/L	0,004	0,0052	0,0067	0,0067	0,1	-
22	Sunfua	mg/L	<0,022	<0,022	0,059	<0,022	0,5	4
23	Amoni (tính theo N)	mg/L	5,39	3,57	9,46	2,72	10	10
24	Nitrat (NO ₃ ⁻) tính theo N	mg/L	17,3	12,9	6,75	6,4	-	50
25	Tổng N	mg/L	24	17,3	16,3	20,1	40	-
26	Tổng P	mg/L	0,14	0,05	0,13	1,32	6	-
27	Clo dư	mg/L	< 0,17	< 0,17	<0,17	<0,17	2	-
28	Coliform	Vi khuẩn /100mL	2.400	3.700	2.400	4.300	5000	5000
29	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	0,192	<0,15	0,25	<0,15	10	10

Tại Thái Bình

TT	Thông số	Đơn vị	Ngày đo				QCVN 14:2008/ BTNMT
			26/1/18	5/4/18	4/7/18	3/10/18	(B)
1	pH		7,85	6,6	6,86	7,46	5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	3,2	<1	3,3	<1	50

3	COD	mg/L	25,6	19,8	16,9	14,6	150
4	TSS	mg/L	19	8	24	41	100
5	TDS	mg/L	275	196	19	158	1000
6	Dầu mỡ khoáng	mg/L	3,6	1,2	<0,03	<0,03	-
7	Sunfua	mg/L	<0,022	<0,022	<0,022	<0,022	4,0
8	Amoni (tính theo N)	mg/L	9,3	6,88	3,29	8,09	10
9	Nitrat	mg/L	1,32	3,27	0,22	0,3	50
10	Tổng P	mg/L	2	6,0	0,33	1,88	-
11	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	0,17	0,16	<0,15	0,15	10
12	Coliform	Vi khuẩn /100mL	4.600	5.000	4.600	4.300	5000

Tại Xuân Hòa

TT	Thông số	Đơn vị	Ngày đo								QCVN 40:2011/ BTNMT
			23/03/18		21/6/18		14/9/18		06/12/18		
			Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	(B)
1	pH	mg/L		7,33		7,34	7,78	7,11	8,05	7.85	5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L		7,1		20,5	39,8	5,2	<1,0	<1,0	50
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L		32		26	30	18	18	10	100
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L		90		308	239	281	501	423	1000
5	Dầu mỡ động thực vật	mg/L		<0,3		1	<0,3	<0,3	<0,3	<0,3	20
6	Phosphat (PO ₄ ³⁻) tính theo P	mg/L		0,14		3,49	4,39	4,93	2,8	6,82	10
7	Sunfua (Tính theo H ₂ S)	mg/L		0.04		0,067	<0,022	<0,022	<0,022	<0,022	4
8	Amoni (tính theo N)	mg/L		<0.06		8,88	18,5	9,45	55,4	10,1	10
9	Nitrat (NO ₃) (tính theo N)	mg/L		0.5		0,21	1,11	0,77	0,67	1,72	50
10	Coliform	Vi khuẩn /100mL		4300		0,32	9300	4300	93	43	5000
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L		6,5		4600	0,18	<0,15	0,176	0,173	10

Kết quả quan trắc khí thải sản xuất

TT	Hệ thống xử lý		Lượng khí thải được xử lý		Hiệu quả xử lý	Các chỉ tiêu không đạt
	Cơ sở có HTXL hay không	Công suất xử lý (m ³ /ngày)	Lượng khí thải được XL (m ³ /ngày)	Tỷ lệ khí thải được XL		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
HN	Có	Chưa xác định được	Chưa xác định được	100%	Đạt	Không QCTĐHN 01:2014/ BTNMT (B)
TB	Có	Chưa xác định được	Chưa xác định được	100%	Đạt	Không QCVN 19:2009/ BTNMT (B)
XH	Có	Chưa xác định được	Chưa xác định được	100%	Đạt	Không QCVN 19:2009/ BTNMT (B)

Tại Hà Nội

Quan trắc định kỳ 3 tháng/ lần đối với ống khói lò hơi đốt mùn cưa với các thông số cần giám sát là: Bụi, CO, NO₂, SO₂. Theo kết quả quan trắc môi trường định kỳ trong năm, chất lượng khí thải đều đạt Giới hạn cho phép QCTĐHN 01:2014/ BTNMT (B).

TT	Thông số	Kết quả (mg/Nm ³)						Giới hạn cho phép QCTĐHN 01:2014/ BTNMT (B)		Ghi chú
		Ống khói Lò hơi Quý I			Ống khói Lò hơi Quý II			C	C _{max}	
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 1	Lần 2	Lần 3			
1	Bụi	82,2	81,4	82,8	86,7	83,1	84,1	200	90 ⁽¹⁾	
2	CO	535	520	533	463	433	428	1000	540	
3	NO ₂	128,7	121,6	132,2	104,4	101,9	99,6	850	459	
4	SO ₂	8,6	9,2	7,9	13,2	10,5	13,7	500	225	
TT	Thông số	Kết quả (mg/Nm ³)						Giới hạn cho phép QCTĐHN 01:2014/ BTNMT (B)		Ghi chú
		Ống khói Lò hơi Quý III			Ống khói Lò hơi Quý IV			C	C _{max}	
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 1	Lần 2	Lần 3			
1	Bụi	78,5	80,6	81,2	83,2	78,3	81,8	200	90 ⁽¹⁾	
2	CO	425	419	422	514	489	521	1000	540	
3	NO ₂	65,2	68,2	66,1	84,6	92,1	86,5	850	459	
4	SO ₂	16,5	14,8	15,2	37,2	31,9	39,9	500	225	

Tại Thái Bình

Quan trắc định kỳ 3 tháng/ lần đối với ống khói lò hơi đốt than 3 tấn, lò hơi đốt than 5 tấn với các thông số cần giám sát là: Bụi, CO, CO₂, NO₂, SO₂ và ống thải tại khu vực nhà luyện kín với thông số giám sát là bụi tổng. Theo kết quả quan trắc môi trường định kỳ trong năm, chất lượng khói thải đều đạt Giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT (B).

TT	Thông số	Kết quả (mg/Nm ³)									QCVN 19:2009/ BTNMT (B)		Ghi chú
		Ống khói Lò hơi 3 tấn			Ống khói Lò hơi 5 tấn			Cửa thoát khí nhà luyện kín			C	C _{max}	
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 1	Lần 2	Lần 3			
1	Bụi	78,7	73,3	75	83,7	80,7	84,3	3,65	3,18	2,98	200	160	Kết quả quý I
2	CO	432	408	386	395	371	98	< 30	< 30	< 30	1000	800	
3	NO ₂	154	162	169	119	126	112	< 5	< 5	< 5	850	680	
4	SO ₂	76,9	82,5	78,9	68,9	74,8	71,2	< 6	< 6	< 6	500	400	
5	CO ₂ (%)							-	-	-	-	-	
1	Bụi	85,77	82,78	79,68	92,34	90,71	97,62	<10	<10	<10	200	160	Kết quả quý II
2	CO	450	443	432	379	397	356	-	-	-	1000	800	
3	NO ₂	148	136	141	127	130	131	-	-	-	850	680	
4	SO ₂	84,1	72,1	76,5	84,1	78,1	82,0	-	-	-	500	400	
5	CO ₂ (%)	9,41	9,65	9,1	10,14	10,81	11,04	-	-	-	-	-	
1	Bụi	28,2	16,7	15,4	83,1	22,3	24,9	<10	<10	<10	200	160	Kết quả quý III
2	CO	244	229	427	300	230	336	< 30	< 30	< 30	1000	800	
3	NO ₂	41,9	37,6	39,5	65,8	63,9	62,0	< 5	< 5	< 5	850	680	
4	SO ₂	73,4	78,6	86,5	157	178	199	< 6	< 6	< 6	500	400	
5	CO ₂ (%)	9,64	9,38	8,89	7,79	8,16	7,88	-	-	-	-	-	
1	Bụi	32,9	36,3	33,9	33,1	35,6	38,6	<10	<10	<10	200	160	Kết quả quý IV
2	CO	146	149	148	130	131	120	-	-	-	1000	800	
3	NO ₂	152	115	150	229	232	231	-	-	-	850	680	
4	SO ₂	270	317	312	28,8	31,4	36,7	-	-	-	500	400	
5	CO ₂ (%)	7,85	8,1	7,21	8,94	8,21	8,66	-	-	-	-	-	

Tại Xuân Hòa

Quan trắc định kỳ 3 tháng/ lần đối với 3 ống thải của hệ thống lọc bụi máy luyện kín với thông số cần giám sát là: Bụi. Theo kết quả quan trắc môi trường định kỳ trong năm, chất lượng bụi thải của ba hệ thống lọc bụi máy luyện kín đều đạt Giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT (B).

TT	Thông số	Kết quả (mg/Nm ³)									QCVN 19:2009/ BTNMT C (Cột B)	Ghi chú
		Hệ thống lọc bụi 1			Hệ thống lọc bụi 2			Hệ thống lọc bụi 3				
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 1	Lần 2	Lần 3		
1	Bụi	42,6	53,33	49,6	22,89	30,81	34,52	37,92	32,2	30,6	200	Kết quả Q I
2	Bụi	24,4	32,3	32,8	<10	<10	<10	26,9	27,8	19,6	200	Kết quả Q II
3	Bụi	12,6	11,2	12,1	<10	<10	<10	13,1	12,7	14,1	200	Kết quả Q III
4	Bụi	14,6	11,5	13,6	<10	<10	<10	<10	<10	<10	200	Kết quả Q IV

Tình hình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Có xử lý hay không	Lượng CTRCN được xử lý (Kg/ tháng)	Phương pháp xử lý				Thuê dịch vụ
			Đốt	Chôn lấp	Tái sử dụng, tái chế	ủ vi sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
HN	Có	1043,7	K	K	K	K	Công ty CP xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình
TB	Có	40.000 kg (xi than đốt lò)	K	K	K	K	Bán cho các đơn vị thu mua tái sử dụng (đóng gạch...)
XH	Có	2116,8	K	K	K	K	Công ty CP xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình

Tình hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt

TT	Có xử lý hay không	Lượng CTRSH được xử lý (Kg/ tháng)	Phương pháp xử lý				
			Đốt	Chôn lấp	Tái sử dụng, tái chế	ủ vi sinh	Thuê dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
HN	Có	35 (m ³ /tháng)	K	K	K	K	Công ty CP PT Môi trường đô thị Hà Nội
TB	Có	2.214 (kg/tháng)	K	K	K	K	Công ty vận tải T & H (tại Thái Bình)
XH	Có	50 (kg/tháng)	K	K	K	K	Công ty CP xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình

Tình hình xử lý chất thải rắn nguy hại

TT	Loại chất thải rắn nguy hại	Có xử lý hay không	Lượng chất thải rắn nguy hại được xử lý	Phương pháp xử lý	
				Tự quản lý	Thuê dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
HN	1. Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại. 2. Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại 3. Các loại sáp và mỡ thải 4. Các loại dầu thủy lực thải khác 5. Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác 6. Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải 7. Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn. 8. Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại. 9. Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải. 10. Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các	K	K	K	Công ty CP xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình

	linh kiện điện tử. 11. Sản phẩm vô cơ có các thành phần nguy hại. 12. Nước lẫn dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước. 13. Bộ lọc dầu đã qua sử dụng				
TB	- Giẻ lau máy - Bóng đèn huỳnh quang - Phi chứa dầu	K	K	K	nt
XH	- Bao bì cứng thái bằng kim loại - Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thái bị nhiễm các thành phần nguy hại - Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thái - Dầu thủy lực	K	K	K	nt

5.4. Các rủi ro

5.4.1. Rủi ro về kinh tế

Có thể nói trong giai đoạn hiện nay rủi ro kinh tế là một trong những vấn đề nổi cộm và được quan tâm nhiều nhất. Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng có nhiều biến động không lường, tất cả các thành phần trong nền kinh tế đều chịu tác động theo những mức độ khác nhau. Cuộc khủng hoảng mà cả thế giới đã trải qua cho thấy rủi ro kinh tế là loại rủi ro rất nguy hiểm và khó chống đỡ, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới như hiện nay. Một khi khủng hoảng xảy ra, hầu hết các doanh nghiệp đều không thể tránh khỏi bị ảnh hưởng.

5.4.2. Rủi ro về pháp luật

Giống như các doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần khác, Công ty CP Cao su Sao Vàng chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định và các Thông tư, văn bản quy định về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán, thuế...

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế khi mà loại hình công ty cổ phần ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng; cùng với sự hình thành và ngày càng phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam thì các văn bản pháp luật điều

chính hoạt động của các công ty cổ phần ngày càng được hoàn thiện và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động của các doanh nghiệp.

Tuy nhiên có một thực tế không thể phủ nhận là hệ thống pháp luật ở Việt Nam nói chung và hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động của công ty cổ phần nói riêng còn nhiều bất cập, nhiều chỗ còn chồng chéo trong khi có những chỗ luật chưa theo kịp thực tiễn dẫn đến hiện tượng có những hoạt động của doanh nghiệp không chịu sự điều chỉnh của pháp luật hay doanh nghiệp không biết thực hiện theo hướng dẫn của văn bản luật nào. Tuy nhiên, là một công ty cổ phần giống như các công ty cổ phần khác đang hoạt động trong nền kinh tế nên những rủi ro pháp luật đối với Công ty CP Cao su Sao Vàng cũng giống như rủi ro pháp luật đối với các doanh nghiệp khác.

5.4.3. Rủi ro đặc thù

a. Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu đầu vào

Sản phẩm của Công ty CP Cao su Sao Vàng có đặc thù là tỷ trọng nguyên vật liệu đầu vào tương đối lớn, chiếm từ 70 – 75% giá thành sản phẩm. Các nguyên vật liệu này chủ yếu là cao su thiên nhiên; cao su tổng hợp; vải màn; than đen; thép tanh; hóa chất các loại và chất độn. Trong số các nguyên vật liệu trên thì cao su thiên nhiên có nguồn gốc từ trong nước còn các nguyên vật liệu khác phần nhiều phải nhập khẩu. Trong điều kiện tình hình kinh tế thế giới và trong nước biến động thường xuyên như hiện nay thì giá cả nguyên vật liệu đầu vào của Công ty không tránh khỏi những biến động không mong muốn. Giá các loại nguyên vật liệu đều tăng so với năm 2017 gây khó khăn cho sản xuất kinh doanh của Công ty.

Mặc dù vậy, Công ty CP Cao su Sao Vàng hoàn toàn ý thức được tầm quan trọng của việc bình ổn giá nguyên vật liệu đầu vào đối với việc đảm bảo tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu. Là doanh nghiệp có thâm niên trong ngành, Công ty đã và đang thiết lập được mối quan hệ truyền thống, lâu dài, tin cậy với những đối tác cung cấp nguyên vật liệu đầu vào để đảm bảo tính ổn định tương đối của các nguồn cung cấp nguyên vật liệu. Công ty cũng chủ động đặt mối quan hệ với nhiều nhà cung cấp nhằm tìm kiếm được những nguồn nguyên liệu giá cạnh tranh.

Những việc làm trên đây đã góp phần không nhỏ làm giảm rủi ro liên quan đến nguồn nguyên vật liệu đầu vào của doanh nghiệp. Những rủi ro nêu trên của Công ty CP Cao su Sao Vàng cũng là rủi ro chung của các doanh nghiệp cao su trong nước cùng ngành khác.

b. Rủi ro tỷ giá hối đoái

Như đã đề cập, trong số các nguyên vật liệu phục vụ sản xuất của Công ty hiện nay thì nguyên vật liệu nhập khẩu chiếm tỷ trọng tương đối nhiều. Việc sử dụng

nguyên vật liệu nhập khẩu như vậy sẽ nảy sinh nhu cầu sử dụng ngoại tệ tương đối lớn của Công ty. Khi mà nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Mỹ nói riêng có nhiều biến động như hiện nay thì việc duy trì một tỷ giá USD/VND ổn định cũng như duy trì một lượng USD đảm bảo cho nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp trong nước là bài toán tương đối khó với Chính phủ Việt Nam. Ở góc độ doanh nghiệp, dự báo được biến động tỷ giá cũng như dự báo được nhu cầu sử dụng ngoại tệ một cách tương đối cũng là việc làm khó khăn. Tuy nhiên, với kinh nghiệm lâu năm trong ngành, Công ty CP Cao su Sao Vàng đã và đang nỗ lực trong công tác dự báo thị trường, dự báo nhu cầu nguyên vật liệu để đảm bảo cân đối nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất và nhu cầu sử dụng ngoại tệ để hạn chế những bị động khi tỷ giá biến động cũng như khi thị trường nguyên vật liệu thế giới biến động. Nhìn chung mức độ rủi ro tỷ giá đối với Cao su Sao Vàng cũng tương đối cân bằng với mức độ rủi ro tỷ giá của nhiều doanh nghiệp khác ở Việt Nam hiện nay.

c. Rủi ro ngành

Về yếu tố đầu vào, một trong những nguyên vật liệu chính để sản xuất ra sản phẩm của Công ty là cao su thiên nhiên, trong khi đó Việt Nam là một trong những quốc gia có diện tích trồng cao su và sản lượng cao su xuất khẩu thuộc vào diện lớn trên thế giới nên nguồn cao su thiên nhiên phục vụ cho sản xuất của Công ty là hoàn toàn có thể đáp ứng được từ nguồn trong nước.

Về yếu tố đầu ra, có thể nói trong những năm gần đây các sản phẩm chủ lực của Công ty là sấm lốp ô tô, xe máy ngày càng khẳng định được chất lượng, thương hiệu SRC và đang là một trong 03 công ty chiếm thị phần lớn ở thị trường nội địa. Các sản phẩm sản xuất trong nước đang dần chiếm lĩnh thị trường thay cho các sản phẩm ngoại nhập có chất lượng tương đương nhưng giá thành cao hơn. Vì vậy, nhiệm vụ của Công ty là sản xuất được sản phẩm giá thành hợp lý, chất lượng cao và đẩy mạnh việc đưa sản phẩm đến với khách hàng nội địa và xuất khẩu.

Như vậy có thể thấy trước mắt, rủi ro ngành của Công ty là không cao.

d. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng nằm ngoài ý trí chủ quan của Công ty như thiên tai, hỏa hoạn, ... hay những rủi ro đến từ những yếu tố mang tính vĩ mô của nền kinh tế là những rủi ro có thể gây thiệt hại đến hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty đều là những rủi ro khó lường. Công ty chỉ có thể hạn chế các rủi ro này bằng cách tiến hành mua bảo hiểm với tài sản để phần nào hạn chế hậu quả nếu rủi ro xảy ra cũng như tăng cường công tác dự báo, dự đoán để nắm bắt được những thay đổi trong nền kinh tế, từ đó vạch ra đường lối phát triển phù hợp cho Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2018

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong bối cảnh chung của nền kinh tế thế giới và trong nước năm 2018 Công ty đã gặp không ít khó khăn trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty như sau:

Chi tiêu	Đ/vị tính	Nghị quyết ĐH năm 2018	Thực hiện	So sánh %
1. GT SXCN theo giá cố định năm 1994	Tỷ đồng	390	381,8	97,90%
2. GT SXCN theo giá thực tế	Tỷ đồng	930,6	949,5	102,03%
3. Doanh thu thuần	Tỷ đồng	922	925,2	100,35%
4. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	37	15,3	41,35%
5. Dự kiến chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế.	% VDL	6%	3% (Đã tạm ứng chi trả 3% trong tháng 12/2018)	50,00%

Như vậy, chỉ tiêu GTSXCN, Doanh thu đạt xấp xỉ kế hoạch đề ra, chỉ tiêu lợi nhuận không hoàn thành kế hoạch và bị suy giảm nhiều so với năm 2017 do nhiều yếu tố chủ quan và khách quan.

(Xem thêm các báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành từ trang 21 đến trang 35)

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

1) Ông: Mai Chiến Thắng

Giới tính: Nam, ngày tháng năm sinh: 01/02/1959, Nơi sinh: Hà Nội

CMTND: 010412140, Ngày cấp: 02/12/2004, Nơi cấp: CA TP Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: A3-P2 Tập thể Học viện Hậu cần, tổ 41, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội. Số ĐT liên lạc: 0913222065

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy, Kỹ sư hóa Polime, Cử nhân cao đẳng kinh tế.

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1982 – 6/1984	Bộ đội E228 F365 Phòng không	
6/1984 – 5/1986	Bộ đội Học viện Hậu cần	
6/1986 – 12/1998	XNCS4 Công ty Cao su Sao Vàng	Phó giám đốc
1/1999 – 9/2005	XNCS4 Công ty Cao su Sao Vàng	Giám đốc
10/2005 - 3/2006	XN cơ điện - Năng lượng; XNCS2	Giám đốc
4/2006 – 2/2008	XNCS2 Công ty CP Cao su Sao Vàng	Giám đốc
3/2008 – 8/2010	XNCS1 Công ty CP Cao su Sao Vàng	Giám đốc
9/2010 – 10/2010	XNCS3 Công ty CP Cao su Sao Vàng	Giám đốc
11/2010 – 6/2012	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cao su Sao Vàng, kiêm Giám đốc TT Cao su kỹ thuật	P.TGD Cty
23/6/2012 – 10/7/2012	Công ty CP Cao su Sao Vàng	TV. HĐQT, P.TGD Cty
10/7/2012 -28/04/2018	Công ty CP Cao su Sao Vàng	TV. HĐQT, Tổng GD Cty
28/4/2018- 28/02/2019	Công ty CP Cao su Sao Vàng	Tổng GD Cty

Số lượng cổ phần nắm giữ : 51.571 cổ phần.

Trong đó:

Sở hữu cá nhân : 51.571 cổ phần.

Được uỷ quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần.

3) Ông Nguyễn Việt Hùng

Giới tính: Nam. Ngày, tháng, năm sinh: 29/9/1967, nơi sinh: Quảng Ninh
Số Căn cước Công dân: 022067000820 Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
cấp ngày: 29/03/2017

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh

Quê quán: Phú Thị - Gia Lâm - Hà Nội.

Địa chỉ thường trú: Tập thể trường QTDN - TKV Ngõ 12 phố An Hòa - Trần Phú - Hà Đông - Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Công ty CP Cao su Sao Vàng, Số 231 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội. Số ĐT liên lạc: 0912154511.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư điện, kỹ sư tin học QLý.

Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp Trình độ ngoại ngữ: Anh văn B.

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1997 – 1999	XN năng lượng - Công ty Cao su Sao Vàng	Kỹ sư
1999 – 2000	P.KTCN - Công ty Cao su Sao Vàng	Kỹ sư
2000 – 2002	Công ty Cao su Sao Vàng	Thư ký G.đốc
2002 – 2003	P.KTCN - Công ty Cao su Sao Vàng	Phó phòng

2003 – 4/2006	XNCS3 - Công ty Cao su Sao Vàng	P.Giám đốc
4/2006 – 9/2006	XNCS3 - Công ty CP Cao su Sao Vàng	P.Giám đốc
10/2006 – 02/2007	XNNL - Công ty CP Cao su Sao Vàng	P.Giám đốc
02/2007 – 9/2010	XNCS3 - Công ty CP Cao su Sao Vàng	Giám đốc
10/2010 – 20/10/2012	XN CS1- Công ty CP Cao su Sao Vàng	Giám đốc
10/2012 – 28/04/2018	Công ty CP Cao su Sao Vàng	P.Tổng GD
28/4/2018- 28/02/2019	Công ty CP Cao su Sao Vàng	TV.HĐQT P.Tổng GD Cty
01/03/2019 đến nay	Công ty CP Cao su Sao Vàng	TV.HĐQT Tổng GD Cty

Số lượng cổ phần nắm giữ : 4.209.987 cổ phần.
 Trong đó:
 Sở hữu cá nhân : 12 cổ phần.
 Được uỷ quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 4.209.975 cổ phần

2) Ông: Nguyễn Quang Hào

Giới tính: Nam, Ngày tháng năm sinh: 18/10/1961, nơi sinh: TP. Nam Định

CMND: 011764528 do CA Hà Nội cấp ngày: 23/11/2007

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Nhà K2, phòng 111 khu TT Vĩnh Phúc Ba Đình, Hà Nội.

Số ĐT liên lạc: 0913202330

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hoá Polime Đại học Bách khoa Hà Nội.

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1985 - 6/1997	XNCS3 Công ty Cao su Sao Vàng	Cán bộ kỹ thuật
07/1997 - 5/2001	Công ty cao su Inoue Việt Nam	Giám đốc PT sản xuất
05/2001 - 1/2003	XNCS3 Công ty Cao su Sao Vàng	P. Giám đốc
01/2003 - 3/2006	XNCS3 Công ty Cao su Sao Vàng	Giám đốc
04/2006 - 1/2007	XNCS3 Công ty CP Cao su Sao Vàng	Giám đốc
02/2007 - 4/2011	Công ty CP Cao su Sao Vàng	P. Tổng Giám đốc
05/2011 – 4/2016	Công ty CP Cao su Sao Vàng	TV.HĐQT, P.TGD
05/2016 – đến nay	Công ty CP Cao su Sao Vàng	P. Tổng Giám đốc

Số lượng cổ phần nắm giữ : 37.467 cổ phần.

Trong đó: Sở hữu cá nhân : 37.467 cổ phần.

4) Ông : Nguyễn Thanh Tùng

Giới tính: Nam, ngày tháng năm sinh: 26/07/1973, Nơi sinh: Hà Nội

CMND: 036073000073, Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày: 23/6/2014.

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số C2 khu nhà sỹ quan Bộ tổng tham mưu, P. Mỹ đình I, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Số ĐT liên lạc: 0913082546

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán.

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T5/1995 - 5/2002	P.TCKT - Công ty CP Cao su Sao Vàng	Nhân viên
T6/2002 - T9/2012	P.TCKT - Công ty CP Cao su Sao Vàng	Phó phòng TCKT
T9/2012 – T10/2013	P.TCKT - Công ty CP Cao su Sao Vàng	Phó phòng TCKT, Thư ký Công ty.
T11/2013 –T4/2016	P.TCKT - Công ty CP Cao su Sao Vàng	Phó phòng TCKT, Thư ký Công ty.
T4/2016-T12/2016	P.TCKT - Công ty CP Cao su Sao Vàng	Phó phòng TCKT, Thư ký Công ty, TV HĐQT.
T12/2016 - T4/2018	P.TCKT - Công ty CP Cao su Sao Vàng	TV. HĐQT; TP. TCKT
T4/2018 - nay	P.TCKT - Công ty CP Cao su Sao Vàng	TV. HĐQT; Kế toán trưởng

Số lượng cổ phần nắm giữ : 2.806.657 cổ phần.

Trong đó:

Sở hữu cá nhân : 07 cổ phần.

Được uỷ quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 2.806.650 cổ phần.

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Từ 01/03/2019 Ông Mai Chiến Thắng - TGD nghỉ hưu theo chế độ.
- Từ 01/03/2019 Ông Nguyễn Việt Hùng được bổ nhiệm Tổng giám đốc Công ty.

2.3. Số lượng cán bộ công nhân viên và chính sách đối với người lao động

- Tổng số cán bộ công nhân viên tại thời điểm 31/12/2018 là: 939 người.
- Chính sách đối với người lao động: Công ty thực hiện theo quy định của Nhà nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn, nâng vốn điều lệ tại thời điểm thành lập là 100 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng bằng nguồn vốn vay của Công ty CP Tập đoàn Hoàn Sơn, trong đó và thay đổi bổ sung thành viên góp vốn mới với tỷ lệ góp vốn là:

- Công ty CP Tập đoàn Hoàn Sơn: 44,59%.
- Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Hưng Thịnh Phát: 29,41%.
- Công ty CP Cao Su Sao Vàng: 26%.

3.2. Các Công ty con, Công ty liên kết (Xem trang 3).

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	%
Tổng giá trị tài sản	857.494.638.422	846.574.222.982	98,73%
Doanh thu thuần	933.736.633.435	925.244.228.825	99,09%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	34.246.324.119	12.765.314.383	37,27%
Lợi nhuận khác	8.995.469.764	2.488.011.471	27,66%
Lợi nhuận trước thuế	43.241.793.883	15.253.325.854	35,27%
Lợi nhuận sau thuế	34.243.435.106	12.202.660.683	35,64%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	8%VĐL	3%VĐL	37,50%
Dự kiến tăng VĐL từ nguồn vốn CSH	0	0	

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,97	1,98	
+ Hệ số thanh toán nhanh <u>TS ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,75	0,72	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,6	0,6	
+ Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,499	1,484	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	2,91	2,81	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,089	1,092	

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,04	0,01	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,099	0,035	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,04	0,01	
+ Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,04	0,01	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần theo VDL: 28.065.765 cổ phần

Trong đó:

+ Tổng số cổ phần đang lưu hành: 28.063.368 cổ phần

+ Cổ phần không lưu hành (Cổ phiếu quỹ): 2.397 cổ phần

- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 14.313.915 cổ phần tương ứng với 51% vốn điều lệ do Nhà nước chi phối và 2.397 cổ phần tương ứng với số cổ phiếu quỹ của Công ty.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Tại ngày chốt danh sách ngày 10/12/2018 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam để trả tạm ứng cổ tức năm 2018, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị (đ)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (đ)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (đ)	Tỷ lệ (%)
Tổng vốn đầu tư CSH	280.189.080.000	99,83%	468.570.000	0,17	280.657.650.000	100%
Cổ đông Nhà nước	143.139.150.000	51,00%			143.139.150.000	51,00%
Cổ đông sáng lập	143.139.150.000	51,00%			143.139.150.000	51,00%
Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên	143.139.150.000	51,00%			143.139.150.000	51,00%
Cổ đông sở hữu từ 1 đến dưới 5%	75.275.600.000	26,82%			75.275.600.000	26,82%
Cổ đông sở hữu <1 %	61.512.620.000	21,92%	468.570.000	0,17%	61.981.190.000	22,08%
Công đoàn Công ty	237.740.000	0,08%			237.740.000	0,08%
Cổ phiếu quỹ	23.970.000	0,01%			23.970.000	0,01%

- Cổ đông Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: Tỷ lệ sở hữu: 51% vốn điều lệ tương ứng 14.313.915 cổ phần.

- Cổ đông khác: Chiếm 49% vốn điều lệ, tương ứng: 13.751.850 cổ phần.

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Không thay đổi.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Số lượng cổ phiếu SRC hiện Công ty đang nắm giữ là 2.397 cổ phần.

5.5. Các chứng khoán khác: không có

III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH Năm 2018	Thực hiện năm 2018	% so với KH năm 2018	% so với thực hiện năm 2017
I- Giá trị sản xuất CN	Tỷ đồng	390	381,836	97,91	97,7
II- Doanh thu tiêu thụ	„	922	925,244	100,4	99,1
III- Lợi nhuận trước thuế	„	37	15,253	41,22	35,3
IV- Sản phẩm chủ yếu					
1- Lớp xe đạp	Chiếc	3.200.000	3.219.743	100,6	106,9
2- Săm xe đạp	„	4.300.000	3.952.499	91,9	83,6
3- Lớp xe máy	„	1.400.000	1.207.950	86,3	100,8
4- Săm xe máy	„	6.700.000	6.932.129	103,5	104,4
5- Lớp ô tô	„	330.000	317.161	96,1	93,7
6- Săm ô tô	„	240.000	222.392	92,7	81,0
7- Yếm ô tô	„	120.000	96,865	80,7	71,8

2. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ năm 2018

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2018 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn yếu tố khó lường. GDP cả nước tiếp tục đạt tốc độ tăng trưởng cao. Tuy nhiên, trong bối cảnh đó với những đặc thù riêng, ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm cao su nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Giá các loại nguyên vật liệu đều tăng và giữ ở mức cao so với năm 2017. Trong khi đó, giá bán sản phẩm không thể tăng tương ứng do sức ép cạnh tranh trên thị trường. Tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều khó khăn do chịu sự cạnh tranh quyết liệt, đặc biệt là sự cạnh tranh về giá và chất lượng

sản phẩm. Bên cạnh đó, sức mua của thị trường yếu, xu hướng tiêu dùng của khách hàng thay đổi nhanh, việc đa dạng hóa sản phẩm của công ty còn hạn chế, chưa có sản phẩm lốp ô tô Radial... Các yếu tố này đã ảnh hưởng lớn đến khả năng cạnh tranh của Công ty, ảnh hưởng đến việc tăng doanh thu và sản lượng tiêu thụ.

Với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, với sự nỗ lực cố gắng của Ban điều hành và toàn thể CBCNV trong Công ty trong năm qua đã đạt được một số kết quả thể hiện qua các mặt sau:

2.1. Công tác quản lý điều hành sản xuất

2.1.1. Các mặt đã làm được:

- Tập thể lãnh đạo Công ty, Ban điều hành, cán bộ quản lý trong công ty nhận thức rõ và đề ra các biện pháp từng bước giải quyết khắc phục các yếu kém tồn tại trong công tác quản trị Công ty như: khả năng cạnh tranh, vấn đề chất lượng sản phẩm, giá thành, đa dạng hóa sản phẩm, công tác thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Công tác tiêu thụ sản phẩm tiếp tục gặp phải những khó khăn rất lớn, Ban điều hành đã tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch, mục tiêu cho từng tháng, từng quý và phân đầu thực hiện. Tiếp tục rà soát, tổ chức lại hệ thống đại lý tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước. Từng bước khắc phục các tồn tại, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm SRC. Tổ chức triển khai thực hiện các phương án tiếp cận khách hàng mới nhằm đạt các mục tiêu kế hoạch đề ra ở mức cao nhất có thể.
- Tiếp tục tăng cường các biện pháp quản lý nhằm tiết giảm chi phí, tiết kiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm hạ giá thành sản phẩm, hợp lý hóa sản xuất. Tổ chức rà soát bổ sung các quy định, quy chế hiện có nhằm kiểm soát chặt chẽ việc mua bán, xuất nhập phụ tùng, vật tư, nguyên vật liệu. Đảm bảo quá trình xét duyệt đúng quy định, quy chế mua sắm vật tư đã ban hành. Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn tích cực tìm thêm các nhà cung cấp mới, nhà cung cấp trong nước các vật tư phục vụ sản xuất đảm bảo chất lượng và giá cả cạnh tranh, giảm áp lực nhu cầu ngoại tệ để nhập khẩu.
- Coi trọng công tác thực hiện định mức vật tư, luôn cập nhật hoàn thiện bộ định mức, kiểm điểm định mức hàng tháng, đề ra biện pháp khắc phục kịp thời các sai lệch, yếu kém trong xây dựng và quản lý thực hiện định mức vật tư tại các đơn vị.

2.1.2. Các mặt tồn tại trong công tác điều hành:

- Sự chỉ đạo của Ban điều hành có lúc chưa nhanh và chưa quyết liệt, sự phối hợp giữa các đơn vị trong Công ty đôi khi còn chưa tốt.

- Công tác điều hành quản lý trực tiếp tại các xí nghiệp sản xuất chưa thực sự hiệu quả. Việc quản lý lao động, quản lý công nghệ ở một vài đơn vị có lúc chưa đáp ứng được yêu cầu.
- Việc sắp xếp, bố trí lao động tại một số bộ phận, dây chuyền sản xuất tiếp tục bị mất cân đối do sự thiếu hụt lao động, biến động giảm về quy mô sản xuất, cơ cấu sản phẩm bị thay đổi nhiều dẫn đến năng suất lao động đạt thấp (đặc biệt là ở Xí nghiệp sản xuất lốp ô tô). Bộ máy quản lý, gián tiếp, phục vụ đạt hiệu quả chưa cao.
- Công tác nghiên cứu phát triển sản xuất sản phẩm mới chưa đáp ứng được yêu cầu thị trường.

2.2. Công tác tổ chức nhân sự và lao động tiền lương

- Công ty luôn chú trọng đến công tác xây dựng chính sách phân phối tiền lương, đơn giá tiền lương, đảm bảo ổn định thu nhập và ngày càng được cải thiện tạo tiền đề cho người lao động yên tâm công tác, nâng cao năng suất lao động và đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách theo qui định đối với người lao động.
- Đã xây dựng và ban hành hệ thống thang bảng lương mới theo tiêu chuẩn hiện hành áp dụng từ ngày 01/01/2019.
- Trong năm 2018 tình hình lao động của Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Người lao động nghỉ việc nhiều trong khi số lao động tuyển dụng mới không bù đắp được số lao động nghỉ việc. Tình trạng này xảy ra ở các đơn vị của Công ty ở cả Hà Nội và Chi nhánh Thái Bình dẫn đến việc thiếu lao động trong dây chuyền sản xuất, ảnh hưởng đến việc tổ chức sản xuất và sản lượng sản phẩm. Để khắc phục tình trạng này, Công ty đã có nhiều biện pháp như: Thực hiện chi hỗ trợ tiền thuê nhà 300.000 đồng/người/tháng áp dụng cho công nhân trực tiếp sản xuất ở Hà Nội phải đi thuê nhà ở, bố trí chỗ ở cho công nhân mới tại Hà Nội, chi tiền chuyên cần 500.000 đồng/người/tháng cho công nhân các đơn vị trực tiếp sản xuất nhằm động viên người lao động yên tâm làm việc và gắn bó với Công ty.
- Trong năm 2018, số lao động toàn Công ty từ 997 người (31/12/2017) đến ngày 31/12/2018 còn 939 người. Tổng giảm 58 người, trong đó tăng mới 46 người và thực giảm 104 người.
- Thu nhập bình quân thực tế 1 tháng năm 2018 của người lao động là: 7.858.000 đồng/tháng (tăng 4,1% so với năm 2017). Thu nhập của người lao động tăng tuy nhiên với tỷ lệ nhỏ và vẫn ở mức thấp so với mặt bằng chung khu vực.

2.3. Công tác thị trường

- Năm 2018, trong điều kiện thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, Công ty đã xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt, phù hợp với thực tế trên thị trường. Tiếp tục tăng cường đầu tư cho công tác thị trường, rà soát, tổ chức lại mạng lưới đại lý phân phối của Công ty. Tùy theo đặc điểm của từng vùng, từng khu vực để xây dựng hệ thống phân phối phù hợp. Tuy nhiên, sức cạnh tranh một số sản phẩm của Công ty còn yếu, tổng doanh thu năm 2018 đạt 925,2 tỷ, giảm 0,9% so với năm 2017, trong đó doanh thu nội địa đạt 733,1 tỷ giảm 3,4% so với cùng kỳ. Một số nguyên nhân suy giảm doanh thu, cụ thể như sau:

+ Nhu cầu sử dụng sẫm lốp xe đạp ngày càng giảm sút theo xu thế tiêu dùng chung và sự cạnh tranh quyết liệt của các hãng sản xuất trong nước và doanh nghiệp nước ngoài về chất lượng, mẫu mã và đặc biệt là giá cả cạnh tranh hơn so với SRC. Xu hướng tiêu dùng chuyển dần từ các loại xe đạp thông thường sang các loại xe đạp điện, xe đạp địa hình, thể thao ... trong khi khả năng sản xuất của công ty còn hạn chế trong việc cung cấp các loại sản phẩm này ra thị trường.

+ Lốp ô tô tải cỡ lớn có sự cạnh tranh quyết liệt của lốp ô tô ngoại (đặc biệt là lốp Radial của Trung Quốc, Thái Lan) và lốp sản xuất trong nước. Do điều kiện đường sá ngày càng được cải thiện, nâng cấp, lốp Radial có giá bán tương đương nhưng hiệu quả sử dụng cao hơn nên tỷ lệ khách hàng chuyển sang sử dụng lốp Radial thay thế cho lốp Bias ngày càng tăng cao. Trong những năm trước sự chuyển dịch này chỉ tập trung vào các quy cách lốp xe tải cỡ lớn thì hiện nay đã chuyển sang cả các quy cách lốp xe tải nhỏ cỡ vành 16", 14". Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến việc suy giảm doanh số lốp xe tải nhẹ của Công ty trong năm vừa qua. Bên cạnh đó, việc giảm sản lượng của các doanh nghiệp lắp ráp ô tô cũng ảnh hưởng lớn đến doanh số bán hàng lốp ô tô (giảm 63% tương đương 26 tỷ đồng doanh thu so với năm 2017).

+ Song song với sự cạnh tranh về giá, cạnh tranh về chất lượng sản phẩm cũng diễn ra gay gắt. Chất lượng sản phẩm lốp ô tô của Công ty đã được đầu tư cải thiện nhưng chưa ổn định cao nên phần nào ảnh hưởng đến sức cạnh tranh.

+ Do sự thay đổi xu hướng tiêu dùng từ lốp xe máy có sẫm sang lốp không sẫm, sau nhiều năm tăng trưởng, sản phẩm lốp xe máy đã có sự suy giảm khi các quy cách lốp xe máy không sẫm của Công ty còn chưa đa dạng.

+ Sẫm xe máy là thị trường cạnh tranh khốc liệt nhất do phải liên tục khuyến mại và giảm giá theo các hãng trong nước và hàng ngoại nhập đã ảnh hưởng lớn đến khả năng tăng doanh thu của sản phẩm này.

- Nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, Công ty luôn coi trọng công tác quảng cáo, xúc tiến thương mại, các chính sách hỗ trợ khách hàng. Công ty đã cung cấp biển hiệu

cho hệ thống phân phối lại của các đại lý cấp 1, giới thiệu sản phẩm thông qua việc tham gia các hội chợ trong nước và quốc tế, tặng các sản phẩm, vật phẩm khuyến mại, quảng bá hình ảnh của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng... Năm 2018 chi phí đầu tư cho công tác này là: 10,9 tỷ đồng. Tuy nhiên hoạt động quảng bá thương hiệu và sản phẩm vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, Công ty cần tiếp tục nghiên cứu và triển khai trên các kênh truyền thông mới để đạt hiệu quả cao hơn.

- Năm 2018, doanh thu xuất khẩu đạt 7,25 triệu USD, tăng 10,5 % so với kế hoạch và 31,2% so với năm 2017. Bằng những giải pháp tích cực, công tác xuất khẩu tiếp tục đạt được mức tăng trưởng tốt so với năm trước. Mặc dù một số thị trường tiêu thụ bị sụt giảm doanh thu như Nepal, Pakistan... nhưng đã phát triển được các thị trường mới như: Hongkong, Ghana, Ai Cập ... để bù đắp sự sụt giảm và tăng trưởng doanh thu.

Tuy nhiên, công tác xuất khẩu cũng gặp những khó khăn do sản phẩm của Công ty chưa đa dạng, chất lượng một số sản phẩm chưa ổn định, do sự cạnh tranh rất mạnh về giá bán, sự thay đổi xu hướng tiêu dùng, ảnh hưởng của các rào cản kỹ thuật, chiến tranh, thiên tai, chính sách thuế của một số quốc gia là những nguyên nhân ảnh hưởng đến doanh thu xuất khẩu. Công ty sẽ tích cực tìm các giải pháp để phát triển thêm các thị trường mới, tăng doanh thu, hoàn thành kế hoạch xuất khẩu trong năm 2019.

2.4. Công tác tài chính

- Công ty đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách, chế độ thể lệ kế toán, tài chính của Nhà nước ban hành.
- Cơ quan kiểm toán độc lập đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty theo quy định đối với Công ty niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh và đánh giá báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018.
- Làm tốt công tác huy động vốn, sử dụng hợp lý các nguồn vốn như vốn đầu tư của các cổ đông, lựa chọn phương án đầu tư, lựa chọn Ngân hàng có cơ chế và lãi suất hợp lý ... bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty.
- Kiểm soát chặt chẽ các khoản thu-chi, đảm bảo thu đúng chi đủ, quản lý chặt chẽ dòng tiền, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả, quay vòng vốn nhanh, trả nợ ngân hàng đúng hạn theo các hợp đồng tín dụng và kế ước vay nợ với ngân hàng và các đối tượng khác.

- Đảm bảo việc trích lập các Quỹ của Công ty từ lợi nhuận còn lại và các khoản trích lập và hoàn nhập dự phòng thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Thường xuyên thu thập thông tin, đánh giá năng lực tài chính của khách hàng. Kiểm soát lượng tồn kho nguyên vật liệu, phụ tùng vật tư, bán thành phẩm và thành phẩm ở mức hợp lý.

2.5. Công tác khoa học kỹ thuật, chất lượng

Năm 2018, Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, tích cực tìm kiếm, khai thác, nghiên cứu, thử nghiệm và áp dụng đưa vào sản xuất các loại vật liệu mới, thay đổi đơn pha chế, hợp lý hóa nguyên vật liệu và kết cấu sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

- Phát triển sản phẩm mới: nghiên cứu thiết kế mới/cải tiến đưa vào sản xuất 9 quy cách lốp ô tô, 5 quy cách lốp nông nghiệp, 3 quy cách lốp xe máy và 4 quy cách lốp xe đạp.
- Nghiên cứu hợp lý hóa đơn pha chế và giảm chi phí sản xuất, hoàn thiện công nghệ sản xuất nhiều quy cách sản phẩm săm lốp xe đạp, xe máy, săm, yếm ô tô.
- Tiếp tục hoàn thiện bộ định mức vật tư cho các sản phẩm nhằm tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2.6. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và công tác cơ điện

* Trong năm 2018, công tác đầu tư xây dựng chủ yếu thực hiện việc giao nhận thiết bị máy móc, lắp đặt, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng thiết bị máy móc thuộc các gói thầu đã ký năm 2017, tổng số 10 gói thầu. Kết quả thực hiện:

Giá trị thực hiện : 16.000.000.000 đồng

Giá trị giải ngân : 11.352.000.000 đồng

* Công tác chuẩn bị Dự án di dời và sản xuất lốp Radial:

- Ngày 28/12/2017 Người đại diện phần vốn tại Công ty đã nhận được công văn số 2310/HCVN-ĐTXD của Tập đoàn Hoá chất Việt Nam v/v rà soát lại dự án di dời và sản xuất lốp Radial của Công ty CP Cao su Sao Vàng. Tiếp thu ý kiến chỉ đạo của

Tập đoàn, Người đại diện đã phối hợp với HĐQT yêu cầu nhà thầu tư vấn lập BCNCKT dự án (CECO) chỉnh sửa hoàn thiện theo yêu cầu của Tập đoàn.

- Ngày 04/07/2018 Công ty CP Cao su Sao Vàng đã ra thông báo tạm ngừng hoạt động dự án Đầu tư gửi Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam.

- Hiện tại nhà thầu CECO đã hoàn thành việc hiệu chỉnh, Người đại diện vốn của Tập đoàn tại Công ty đang xem xét lựa chọn phương án trình Tập đoàn cho phù hợp với điều kiện của Công ty.

* Công tác cơ điện, sửa chữa lớn máy móc thiết bị được thực hiện tương đối tốt đảm bảo duy trì hệ thống máy móc thiết bị hoạt động ổn định đáp ứng cho sản xuất không để sản xuất bị gián đoạn.

- Công tác quản lý sử dụng vật tư, linh kiện, phụ tùng cơ điện được giám sát chặt chẽ từ việc nhập, xuất cấp phát, đáp ứng cho việc bảo dưỡng sửa chữa thiết bị, chủ động trong việc chuẩn bị các vật tư, phụ tùng dự phòng hợp lý nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng.

- Quản lý tốt hơn việc sử dụng năng lượng: Trong năm 2018 chi phí năng lượng: Biomas, điện, than, dầu toàn Công ty tính theo giá trị Tổng sản lượng so với bình quân năm 2017 giảm: 2,378 tỷ đồng.

2.7. Công tác ATLĐ – VSCN – PCCN

Trong năm 2018, công tác ATLĐ – VSCN - PCCN đã được Công ty thực hiện đầy đủ chế độ theo đúng quy định của pháp luật.

+ Huấn luyện định kỳ cho 100% công nhân về ANLĐ – VSCN – PCCN, sơ cấp cứu.

+ Công tác PCCN thường xuyên được kiểm tra đảm bảo quy trình, quy định. Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ cho CBCNV công ty nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm cũng như nghiệp vụ thực tập phương án PCCN theo kế hoạch của Cảnh sát PCCC.

+ Triển khai thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

1. Các chỉ tiêu chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019 Tập đoàn giao	% so với thực hiện năm 2018
I- Giá trị sản xuất CN	Tỷ đồng	370	96,9
II- Giá trị sản xuất CN theo giá thực tế	Tỷ đồng	922,532	97,2
III- Doanh thu tiêu thụ	„	915	98,9
IV- Lợi nhuận trước thuế	„	32	209,8
V- Sản phẩm sản xuất chủ yếu			
1- Lốp xe đạp	Chiếc	3.055.000	94,9
2- Săm xe đạp	„	4.163.000	105,3
3- Lốp xe máy	„	1.352.000	111,9
4- Săm xe máy	„	7.337.000	105,8
5- Lốp ô tô	„	309.827	97,7
6- Săm ô tô	„	230.267	103,5
7- Yếm ô tô	„	110.976	114,6

2. Tình hình sản xuất kinh doanh hiện tại và những khó khăn trong thời gian tới.

Dự báo năm 2019 nền kinh tế có chiều hướng tích cực, tuy nhiên vẫn tiềm ẩn nhiều bất ổn hơn năm 2018. Kinh tế trong nước vẫn chịu nhiều tác động đến tốc độ tăng trưởng. Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty sẽ gặp những khó khăn, thách thức như sau:

- Giá nguyên vật liệu đầu vào đặc biệt là cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp và một số loại Nguyên vật liệu chính ở mức cao và dự báo năm 2019 tiếp tục xu hướng tăng và duy trì ở mức giá cao. Các loại nguyên vật liệu khác cũng có xu hướng tăng giá.

Chi phí sản xuất tăng trong khi giá bán chưa thể tăng trong thị trường cạnh tranh khốc liệt.

- Tiêu thụ sản phẩm chịu sự cạnh tranh rất quyết liệt, đặc biệt là sự cạnh tranh về giá của các nhà sản xuất trong nước và nước ngoài, lớp ô tô radial nhập khẩu từ Trung Quốc, Thái Lan có giá rẻ, các hãng sản xuất trong nước liên tục giảm giá để cạnh tranh. Sản phẩm của Công ty có sức cạnh tranh yếu trên thị trường. Công ty chưa có sản phẩm lớp Radial và sản phẩm mới để thay thế được sự suy giảm sản lượng lớp ô tô Bias do thay đổi nhu cầu sử dụng của khách hàng.
- Công ty đang triển khai công tác chuẩn bị cho dự án di dời đến địa điểm mới gây ảnh hưởng đến tâm lý của người lao động, cộng với mức thu nhập chưa cao dẫn đến việc tuyển dụng lao động tại Hà Nội và Thái Bình gặp khó khăn, từ đó ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Một số giải pháp chủ yếu.

3.1. Công tác quản trị doanh nghiệp

- Thực hiện nghiêm Nghị quyết của HĐQT trong việc điều hành, chỉ đạo sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất.
- Chỉ đạo phối hợp tốt giữa các đơn vị trong Công ty đẩy nhanh việc nghiên cứu và triển khai sản xuất thêm các sản phẩm mới, sản phẩm cải tiến nhằm đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu, tăng doanh thu bán hàng.
- Phát huy tối đa việc bố trí hợp lý các dây chuyền sản xuất, năng lực trang thiết bị, giữ ổn định đội ngũ lao động, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động trên cơ sở hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm. Thực hiện tốt công tác tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất kinh doanh. Tiếp tục nghiên cứu đầu tư máy móc thiết bị, tích cực tìm các giải pháp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, xây dựng môi trường sản xuất xanh-sạch-đẹp, xây dựng văn hóa Doanh nghiệp.
- Tập trung đảm bảo ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm trong quản lý điều hành tại các đơn vị trong Công ty nhằm nâng cao uy tín thương hiệu Công ty và nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm.
- Tăng cường quản lý, giám sát đối với các đơn vị trong việc thực hiện các quy định về quản lý lao động, quản lý định mức vật tư, nguyên liệu, năng lượng, tích cực tìm kiếm và triển khai thực hiện các giải pháp nhằm giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Phân đấu đạt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận ở mức cao nhất.

- Khai thác hiệu quả các máy móc thiết bị đã được đầu tư, tiếp tục nghiên cứu đầu tư một số thiết bị lẻ để thay thế một số máy móc, thiết bị cũ có độ tin cậy thấp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí vận hành, cũng như phục vụ sản xuất một số sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm.
- Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo nguồn lực thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.2. Công tác bán hàng

- Tăng cường công tác quảng bá thương hiệu, xây dựng chính sách bán hàng phù hợp đối với từng ngành hàng, từng khu vực thị trường nhằm duy trì và phát triển tiêu thụ những sản phẩm đang có thế mạnh tại thị trường nội địa, phấn đấu đạt và vượt kế hoạch doanh thu đã đề ra theo từng tháng, quý và cả năm.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống phân phối sản phẩm trên toàn quốc. Tái cơ cấu hệ thống phân phối tại một số tỉnh miền Bắc và miền Nam.
- Kiện toàn, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ bán hàng nhằm nâng cao khả năng hoạt động và hiệu quả công việc.
- Tiếp tục đầu tư đẩy mạnh công tác xuất khẩu, đồng thời phải tăng cường công tác dịch vụ sau bán hàng, giữ vững thị phần ở các thị trường cũ và khai thác thêm thị trường mới.
- Đổi mới công tác tiếp thị quảng cáo, tập trung tuyên truyền, quảng bá cho các sản phẩm và làm tốt công tác chăm sóc khách hàng. Tiếp tục đầu tư nâng cấp, cải tiến và đa dạng hóa các sản phẩm mới như: lớp công trình cỡ lớn, lớp xe phục vụ trong ngành nông nghiệp, lớp XM không sấm, sấm lớp XĐ điện và các sản phẩm Cao su kỹ thuật ...

3.3. Công tác lao động tiền lương

Tiếp tục nghiên cứu, cải tiến chế độ trả lương cho người lao động nhằm khuyến khích người lao động hăng say công việc, có hiệu quả cao, thu hút lao động có chất lượng làm việc cho Công ty, tạo điều kiện để người lao động yên tâm, gắn bó với Công ty.

3.4. Công tác tài chính

- Phát huy chức năng, nhiệm vụ của công tác Tài chính và Luật kế toán trong kiểm soát nội bộ, kiểm soát các chi phí hoạt động của Công ty nhằm nhận diện và đề xuất

những biện pháp phòng ngừa rủi ro, chống lãng phí, đảm bảo chi phí hợp lý, hợp lệ nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm SRC.

- Kiểm soát chặt chẽ thu chi, công nợ, thanh toán phối hợp với phòng TTBH hạn chế tối đa phát sinh nợ khó đòi trong công nợ của khách hàng. Thực hiện cân đối thu chi, thanh toán định kỳ để quản lý chặt chẽ dòng tiền và cân đối tài chính.
- Phối hợp với phòng Vật tư và các đơn vị được giao mua vật tư trong Công ty theo dõi nắm bắt kịp thời xu hướng giá vật tư, tận dụng khả năng vốn để xem xét dự trữ các loại nguyên liệu chủ yếu một cách hợp lý nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

3.5. Công tác cơ điện, năng lượng

- rà soát, hoàn thiện Quy chế hoạt động Cơ điện, thực hiện tốt công tác quản lý sử dụng thiết bị, định mức chế tạo sửa chữa máy móc thiết bị, phụ tùng.
- Thực hiện tốt công tác quản lý thiết bị, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo phục vụ sản xuất tốt.
- Áp dụng các biện pháp phấn đấu giảm tỷ lệ chi phí tiêu hao năng lượng (điện, hơi nóng) từ 1% đến 3%.

3.6. Công tác khoa học kỹ thuật và bảo đảm chất lượng

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát việc thực hiện quy trình công nghệ nhằm đảm bảo ổn định chất lượng sản phẩm tại các đơn vị trong Công ty.
- Tích cực nghiên cứu cải tiến sản phẩm nhằm hợp lý hoá, tăng hiệu quả trong sản xuất.
- Tiếp tục nghiên cứu, khai thác các nguồn nguyên vật liệu có chất lượng tốt và giá cả cạnh tranh áp dụng cho sản xuất
- Tiếp tục nghiên cứu sản xuất nâng cao sản lượng các loại lớp XM không sẫm và sẫm lớp XD điện đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Triển khai sản xuất sẫm xe máy butyl. Nghiên cứu công nghệ sản xuất sẫm lớp công trình cỡ lớn từ 14.00-25 trở lên...
- Nghiên cứu các đơn pha chế sử dụng cho các sản phẩm cao su kỹ thuật đặc biệt.
- Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện định mức tiêu hao vật tư, lao động... phù hợp với những thay đổi về thiết bị, công nghệ và nguyên vật liệu. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện đúng định mức, đảm bảo tiết kiệm vật tư và ổn định chất lượng sản phẩm.
- Xây dựng, đào tạo đội ngũ quản lý, bồi dưỡng, tạo điều kiện cho cán bộ kỹ thuật viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

3.7. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư XDCB theo kế hoạch năm của Công ty.
- Tích cực nghiên cứu và triển khai các bước chuẩn bị Dự án xây dựng nhà máy mới và di dời sản xuất từ nhà máy cũ về nhà máy mới. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện khi Dự án được phê duyệt.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, phương hướng và một số giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty CP Cao Su Sao Vàng, Ban điều hành xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2018.

Ngay từ đầu năm 2018 Hội đồng quản trị đã nhận thức rằng: Đây sẽ là một năm tiếp tục khó khăn đối với ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm cao su nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng, việc thực hiện và đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Quý cổ đông giao cho đòi hỏi sự chỉ đạo quyết liệt, cố gắng của từng thành viên HĐQT. Với nhận thức trên HĐQT đã chủ động trong công tác điều hành; bám sát chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ SXKD từng tháng, quý và cùng với sự nỗ lực của Ban điều hành, tập thể CBCNV toàn Công ty, năm 2018 Công ty CP Cao su Sao Vàng đã có kết quả SXKD với các chỉ tiêu chính sau:

Chỉ tiêu	Đ/vị tính	Nghị quyết ĐH năm 2018	Thực hiện	So sánh %
1. GT SXCN theo giá cố định năm 1994	Tỷ đồng	390	381,8	97,90%
2. GT SXCN theo giá thực tế	Tỷ đồng	930,6	949,5	102,03%
3. Doanh thu thuần	Tỷ đồng	922	925,2	100,35%
4. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	37	15,3	41,35%
5. Dự kiến chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế.	% VDL	6%	3% (Đã tạm ứng chi trả 3% trong tháng 12/2018)	50,00%

Như vậy, chỉ tiêu Doanh thu đạt kế hoạch đề ra, chỉ tiêu lợi nhuận không hoàn thành kế hoạch và bị suy giảm nhiều so với năm 2017. Theo đánh giá của HĐQT

các nguyên nhân dẫn đến kết quả sản xuất và tiêu thụ không hoàn thành kế hoạch là do giá các loại nguyên vật liệu đều tăng và giữ ở mức cao so với năm 2017. Trong khi đó, giá bán sản phẩm không thể tăng tương ứng do sức ép cạnh tranh trên thị trường. Tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều khó khăn do chịu sự cạnh tranh quyết liệt, đặc biệt là sự cạnh tranh về giá và chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, sức mua của thị trường yếu, xu hướng tiêu dùng của khách hàng thay đổi nhanh, việc đa dạng hóa sản phẩm của công ty còn hạn chế, chưa có sản phẩm lốp ô tô Radial... Các yếu tố này đã ảnh hưởng lớn đến khả năng cạnh tranh của Công ty, ảnh hưởng đến việc tăng doanh thu và sản lượng tiêu thụ.

2. Hoạt động của HĐQT năm 2018.

- Căn cứ vào các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động giám sát, chỉ đạo và đưa ra các nghị quyết, quyết định.
- Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức họp 10 phiên và lấy ý kiến thành viên HĐQT 48 lần. Căn cứ vào kết quả các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản, thay mặt HĐQT, chủ tịch HĐQT đã ký ban hành 12 nghị quyết, 38 quyết định và 31 công văn.
- Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, các nội dung biểu quyết đều đạt đồng thuận cao, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự.
- Các phiên họp HĐQT đều mời Ban kiểm soát tham gia, các vấn đề quan trọng HĐQT mời thủ trưởng các đơn vị, Chi nhánh, Xí nghiệp trong Công ty tham dự để tham khảo ý kiến, bổ sung thông tin đảm bảo các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, có sự đồng thuận cao và đạt mục tiêu tạo điều kiện cho Ban điều hành hoạt động tốt hơn, đem lại hiệu quả cho Công ty.
- Ngoài ra HĐQT và các thành viên đã tích cực tham gia cùng với Ban điều hành chỉ đạo các đơn vị, Chi nhánh, Xí nghiệp trong Công ty triển khai thực hiện nghị quyết trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty, đặc biệt là công tác sản xuất tại Chi nhánh Thái Bình và Xí nghiệp luyện Xuân Hòa.

3. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành.

Xác định được khó khăn, thách thức nên ngay từ đầu năm, Ban điều hành đã chủ động xây dựng các nội dung kế hoạch nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông giao cho. HĐQT đánh giá Ban điều hành trong năm 2018 đã thực hiện tốt nội dung sau:

- Ban điều hành, cán bộ quản lý trong công ty nhận thức rõ và đã tập trung giải quyết khắc phục các yếu kém về khả năng cạnh tranh, vấn đề chất lượng sản phẩm, giá thành, đa dạng hóa sản phẩm, công tác thị trường trong nước và xuất khẩu trong công tác quản trị Công ty.
- Đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm, Ban điều hành đã tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch và mục tiêu cho từng tháng. Từng bước khắc phục tồn tại, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm SRC. Tổ chức triển khai thực hiện phần đầu nhằm đạt các mục tiêu kế hoạch đề ra ở mức cao nhất có thể.
- Thường xuyên rà soát bổ sung các quy định, quy chế hiện có nhằm kiểm soát chặt chẽ việc mua bán, xuất nhập phụ tùng, vật tư, nguyên vật liệu. Thực hiện chào thầu cạnh tranh khi mua các thiết bị, vật tư và vận chuyển sản phẩm vv... đảm bảo quá trình xét duyệt đúng quy định, qui chế mua sắm vật tư đã ban hành.
- Coi trọng công tác thực hiện định mức vật tư, luôn cập nhật hoàn thiện bộ định mức, kiểm điểm định mức hàng tháng, đề ra biện pháp khắc phục kịp thời các sai lệch, yếu kém trong xây dựng và quản lý thực hiện định mức vật tư tại các đơn vị.

Tuy nhiên, trong hoạt động của Ban điều hành vẫn có những tồn tại sau:

- Công tác điều hành quản lý trực tiếp tại các xí nghiệp sản xuất có lúc còn chậm. Bộ máy quản lý lao động, quản lý công nghệ ở một vài đơn vị có lúc chưa đáp ứng được yêu cầu. Sự chỉ đạo của Ban điều hành và các phòng ban chức năng công ty có lúc chưa nhanh và chưa quyết liệt.
- Bố trí lao động tại một số bộ phận, dây chuyền sản xuất tiếp tục bị mất cân đối do biến động giảm về quy mô sản xuất, cơ cấu sản phẩm bị thay đổi nhiều dẫn đến năng suất lao động đạt thấp.
- Công tác phát triển sản xuất sản phẩm mới còn chậm.
- Công tác đầu tư XDCB thực hiện chưa đạt so với kế hoạch đề ra, một số hạng mục chưa hoàn thành.

4. Mức cổ tức năm 2018:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và kết quả SXKD, HĐQT Công ty đã họp và nhất trí tạm ứng cổ tức 3% vốn điều lệ bằng tiền mặt cho cổ đông hiện hữu tháng 11/2018.

5. Kế hoạch SXKD năm 2019.

Sau khi xem xét mọi mặt hoạt động SXKD của Công ty năm 2018 và tình hình thực tế hiện nay, HĐQT thống nhất đề xuất kế hoạch SXKD năm 2019 của Công ty với các chỉ tiêu chính như sau:

Chi tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019 Tập đoàn giao	% so với thực hiện năm 2018
1- Giá trị sản xuất CN	Tỷ đồng	370	96,9
2- Giá trị sản xuất CN theo giá thực tế	Tỷ đồng	922,532	97,2
3- Doanh thu tiêu thụ	Tỷ đồng	915	98,9
4- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	32	209,8
5- Mức cổ tức	%	3	100

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019, cần kiên quyết thực hiện các giải pháp sau đây:

Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, tập trung chính vào thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT đối với Ban điều hành, cán bộ quản lý và các mặt hoạt động của Công ty.

Ban điều hành phải kiên quyết khắc phục những hạn chế của mình đã nêu trong phần đánh giá của HĐQT về hoạt động điều hành năm 2018.

Yêu cầu Ban điều hành phải tập trung quản lý sản xuất, quản lý chi phí, quản lý chất lượng. Tìm mọi biện pháp để không ngừng nâng cao năng suất lao động, kỹ cương công nghệ, đầu tư nâng cao năng lực công tác cán bộ, tay nghề cho công nhân. Lựa chọn sản phẩm mũi nhọn của Công ty, thường xuyên hoàn thiện công tác bán hàng, điều chỉnh chính sách tiêu thụ hợp lý để đại lý gắn bó với Công ty.

Thường xuyên chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, có chính sách giữ được người có trình độ cao, tay nghề giỏi làm việc tại Công ty. Tăng cường công tác tuyên truyền để người lao động ổn định tư tưởng, thấy rõ được trách nhiệm của mỗi người trong việc góp phần ổn định, đưa Công ty từng bước vượt qua giai đoạn khó khăn làm cơ sở cho việc giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị có 5 thành viên, trong đó có 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành, Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm.

1)- Ông Lâm Thái Dương- Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Ban đại diện vốn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP DAP Vinachem

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 23/05/1960

CMND số: 130889834. Ngày cấp: 04/12/2006. Nơi cấp: CA tỉnh Phú Thọ

Nơi sinh: Thị xã Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Khu đô thị Nam Cường, Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện, ĐT: 0913.029.389

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
8/1983-12/1986	Công ty Pyrit Vĩnh Phú	Kỹ sư cơ điện
01/1987-12/1989	Công ty Pyrit Giáp lai, Vĩnh Phú	Phó phòng cơ điện
01/1990-12/1990	Công ty Pyrit Giáp lai, Vĩnh Phú	Q. TP Cơ điện
01/1991-12/1994	Công ty Pyrit Giáp lai, Vĩnh Phú	Trưởng phòng Cơ điện
01/1995-08/1995	Công ty Pyrit Giáp lai, Vĩnh Phú	Trợ lý Giám đốc
09/1995-08/2003	Công ty Pyrit Giáp lai, Vĩnh Phú	Phó Giám đốc
09/2003-05/2009	Ban QLDA DAP Hải Phòng	Phó Giám đốc BQLDA
06/2009-01/2012	Cty TNHH MTV DAP Vinachem	Phó Tổng giám đốc
02/2012- 12/2014	Cty TNHH MTV DAP Vinachem	Chủ tịch HĐQT
12/2014- 4/2018	Cty CP Phân lân Nung chảy Văn Điển	Chủ tịch HĐQT
01/2015 đến nay	Công ty CP DAP Vinachem	Chủ tịch HĐQT
09/05/2015 -4/2018	Công ty CP Phân bón Miền Nam	Chủ tịch HĐQT
30/12/2015 đến nay	Công ty CP Cao su Sao Vàng	Chủ tịch HĐQT

Số lượng cổ phần SRC nắm giữ : 7.297.290 cổ phần.

Trong đó: Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Được uỷ quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 7.297.290 cổ phần

2)- Ông Nguyễn Việt Hùng - Tổng giám đốc

(Xem mục 2 phần II)

3)- Ông Nguyễn Thanh Tùng – Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng

(Xem mục 2 phần II)

4)- Ông Ngô Tuấn Anh –Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng TCHC.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: không

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/05/1975, Nơi sinh: Bình Lục - Hà Nam

Số CMTND: 013036622 Ngày cấp: 21/02/2008 Nơi cấp: CA TP Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: P19 - E7 - TT Phương Mai – Đống Đa, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Hóa học – Cử nhân Kinh tế ; ĐT: 0913372142

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
15/12/1998	XNCS1- Công ty Cao su Sao vàng	Kỹ sư tập sự
01/3/2000	XNCS1 - Công ty Cao su Sao vàng	Kỹ sư Công nghệ
01/4/2001	XNCS3 - Công ty CP Cao su Sao vàng	Kỹ sư Công nghệ
01/8/2004	XNCS3 - Công ty CP Cao su Sao vàng	Phó Giám đốc XNCS3
01/8/2006	XNCS2 - Công ty CP Cao su Sao vàng	Phó Giám đốc XNCS2
01/3/2008	XNCS2 - Công ty CP Cao su Sao vàng	Giám đốc XNCS2
01/7/2010	XNCS3 - Công ty CP Cao su Sao vàng	P.Giám đốc XNCS3
01/7/2012	XNCS3 - Công ty CP Cao su Sao vàng	P.GĐ –Phụ trách XNCS3
30/3/2013	XNCS3 - Công ty CP Cao su Sao vàng	Giám đốc XNCS3
26/04/2016	XNCS3 - Công ty CP Cao su Sao vàng	TV HĐQT, Giám đốc XNCS3

Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.240 cổ phần.

Trong đó: Sở hữu cá nhân 2.240 cổ phần.

5)- Ông Nguyễn Công Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP MHC.

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 18 tháng 11 năm 1978, Nơi sinh: Hà Nam

CMTND số: 012078000011, Ngày cấp: 21/12/2015, Nơi cấp: CA Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh.

Địa chỉ thường trú: Số 27 Phố Vũ Tông Phan, P. Khương Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà nội.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

ĐT: 0988766866

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T1/2016- đến nay	Công ty CP MHC	Phó Tổng giám đốc
T4/2016- đến nay	Công ty CP Cao su Sao vàng	TV HĐQT

Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần.
Trong đó: *Sở hữu cá nhân* : 0 cổ phần.

1.2. Các tiêu ban của Hội đồng quản trị: Không có

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị: (Xem trang 32 đến 35)

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Ông Ngô Tuấn Anh- Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành: Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, nắm bắt các thông tin liên quan về tài chính, chính sách, chiến lược, kế hoạch sản xuất. Đưa ra các ý kiến độc lập, khách quan nhằm đóng góp cho định hướng phát triển của Công ty. Tập trung việc thúc đẩy sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, tiết giảm chi phí. Tăng cường công tác Marketing và bán hàng nhằm tăng doanh thu. Quan tâm vấn đề nhân lực và công tác đào tạo. Quan tâm đến các chính sách liên quan đến lợi ích của cổ đông và người lao động. Thu thập thông tin liên quan đến tài chính, chính sách, quản trị công ty từ các nguồn khác nhau để phân tích, đánh giá. Tìm hiểu sâu về chuyên môn, pháp lý, tăng cường học hỏi nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu công việc. Đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan một cách công bằng và hài hòa.

1.5. Hoạt động của các tiêu ban trong Hội đồng quản trị:

Công ty không thành lập các tiêu ban của HĐQT do nhận thấy chưa cần thiết trong giai đoạn này.

1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: không có

1.7. Danh sách các thành viên của Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm 2018: không có.

2. Ban kiểm soát.

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

1)- Ông Trần Minh Tuấn – Trưởng Ban kiểm soát:

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Giới tính: Nam, Ngày tháng năm sinh: 17/08/1978, Nơi sinh: Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh
CMTND: 011946585, do CA Hà Nội cấp ngày: 19/12/2013
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ĐT: 0912307217

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2000-10/2001	XN Luyện Xuân Hòa, Công ty CP cao su Sao vàng	Chuyên viên
11/2001-3/2002	CN TP. Hồ Chí Minh- Công ty CP cao su Sao vàng	Chuyên viên
4/2002-8/2003	Phòng TCKT - Công ty CP cao su Sao vàng	Chuyên viên
9/2003-10/2005	CN Đà Nẵng - Công ty CP cao su Sao vàng	Chuyên viên
11/2005-12/2014	Phòng KTTC – Công ty CP cao su Sao vàng	Chuyên viên
1/2015-7/2015	Văn phòng – Công ty CP cao su Sao vàng	Chuyên viên
8/2015- 4/2016	Văn phòng – Công ty CP cao su Sao vàng	Phó chánh VP
5/2016 đến nay	Công ty CP cao su Sao vàng	Trưởng BKS

Số lượng cổ phần nắm giữ : 1.411 cổ phần.
Trong đó: Sở hữu cá nhân : 1.411 cổ phần.

2). Ông Hoàng Đức Dũng- Thành viên Ban kiểm soát:

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chuyên viên Ban Tài chính Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

Giới tính: Nam, ngày tháng năm sinh: 10/10/1988, Nơi sinh: Hà Nam
CMTND: 012633561 Ngày cấp: 05/8/2003, Nơi cấp: CA TP Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 121 B4, KĐT Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội.
ĐT/thoại: 091.666.1088, Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2006 - 2010	Học viện Ngân hàng	Sinh viên
08/2010 – 08/2011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	Nhân viên
08/2011 – 12/2011	Phòng Tài chính kế toán; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội	Chuyên viên
01/2012 - nay	Ban Tài chính kế toán; Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Chuyên viên

Số lượng cổ phần nắm giữ : 77 cổ phần.
Sở hữu cá nhân : 77 cổ phần.

3). Ông Trần Đình Tùng - Thành viên Ban kiểm soát:

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: *Giám đốc Cty tư vấn thiết kế và thi công TDArchi*

Giới tính: Nam, Ngày tháng năm sinh: 01/01/1976, Nơi sinh: Nam Định
CMTND: 013324354, ngày cấp: 24/06/2010, nơi cấp: CA Hà nội .
Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Số 66/97 Văn Cao, Ba Đình, Hà nội.
Số ĐT liên lạc:
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2003-2010	Công ty CP Tùng Kiên	Nhân viên
2011 đến nay	Cty tư vấn thiết kế và thi công TDArchi	Giám đốc

Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần.
Trong đó: Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

2.2.1. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018:

2.2.2. Tình hình kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty năm 2018:

Trong năm 2018, BKS đã họp định kỳ để triển khai các công việc, thực hiện việc phân công nhiệm vụ cụ thể tới các thành viên BKS trên các mặt hoạt động của

Công ty. Kiểm tra, kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thực hiện kế hoạch năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Tham dự các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành Công ty và đưa ý kiến của Ban Kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính, công bố các thông tin theo quy định, cụ thể:

- Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2018 của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.
- Kiểm soát việc ban hành và thực hiện các quy chế, quy định;
- Kiểm soát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018;
- Kiểm soát việc thực hiện dự án “Di dời và sản xuất lớp Radial”;
- Kiểm soát thực hiện việc thoái vốn của Công ty tại Công ty CP Philip Carbon Black và Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn theo đúng các quy định của pháp luật;
- Kiểm soát công tác tài chính kế toán, thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm;
- Kiểm soát việc phân phối lợi nhuận năm 2017 và xây dựng kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018;
- Giám sát việc công bố thông tin được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, minh bạch, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

Căn cứ vào kế hoạch hoạt động và phân công nhiệm vụ của từng thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát đã cố gắng thực hiện một cách tốt nhất công việc mình được phân công.

1) Kiểm soát công tác tài chính kế toán, Báo cáo tài chính năm:

a. Tổ chức công tác kế toán:

- Công ty thực hiện lập và gửi Báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của Nhà nước;
- Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty phù hợp với các quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp, Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các văn bản hiện hành của Nhà nước;
- Sổ sách kế toán, thống kê đầy đủ, rõ ràng, lưu trữ đúng quy định của chế độ kế toán thống kê. Định kỳ, Công ty thực hiện kiểm kê tiền mặt, hàng hóa, vật tư, thành phẩm tồn kho, đối chiếu công nợ (phải thu, phải trả) đầy đủ theo quy định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với NSNN.

b. Báo cáo Tài chính năm 2018:

- BCTC năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (AASC).
- Qua thẩm tra báo cáo, thảo luận trực tiếp với kiểm toán viên và xem xét các tài liệu liên quan, BKS nhận thấy: Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài sản, nguồn vốn trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm 2018, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.
- BKS nhất trí với các số liệu cũng như báo cáo của kiểm toán viên đã nêu trong Báo cáo tài chính năm 2018, số liệu chi tiết do đại diện của Ban điều hành báo cáo tại Đại hội.

2) Đầu tư tài chính và góp vốn vào doanh nghiệp khác:

Công ty đã thực hiện góp vốn liên doanh, liên kết thành lập Công ty TNHH Sao Vàng Hoàng Sơn để triển khai thực hiện hợp đồng Hợp tác đồng tác đầu tư số 18/2016/HĐHTĐT/SRC-HS ngày 15/06/2016 để thực hiện dự án “Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng – Hoàng Sơn”. Vốn điều lệ Công ty TNHH Sao Vàng Hoàng Sơn đến thời điểm ngày 31/12/2018 là 500 tỷ đồng:

- + Công ty CP Tập đoàn Hoàng Sơn: 44,59% tương đương: 222.950.000.000 đồng.
- + Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Hưng Thịnh Phát: 29,41% tương đương 147.050.000.000 đồng.
- + Công ty CP Cao Su Sao Vàng: 26% tương đương 130.000.000.000 đồng.

Số tiền góp vốn này được Công ty CP Tập đoàn Hoàng Sơn cho Công ty vay với lãi suất 0%/năm, thời hạn vay vốn được điều chỉnh theo lộ trình thoái vốn của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn. Dự án vẫn đang tiếp tục thực hiện giai đoạn 1 hoàn thành thủ tục pháp lý. Theo kết luận của cơ quan Kiểm toán Nhà nước chuyên đề “Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam và Tổng Công ty Lương thực Miền Nam”: Đề nghị người đại diện phần vốn NN tại Công ty CP Cao su Sao vàng báo cáo chủ sở hữu xây dựng kế hoạch thoái hết phần vốn góp tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn phù hợp với quá trình triển khai Hợp đồng hợp tác đầu tư trên cơ sở theo đúng các quy định của pháp luật và bảo toàn vốn đầu tư. Người đại diện phần vốn NN tại Công ty CP Cao su Sao vàng đã có gửi Tập đoàn Hóa chất VN về việc Báo cáo xin ý kiến thoái vốn khỏi Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàng Sơn và được Tập đoàn Hóa chất VN chấp thuận. Hội đồng quản trị đã giao cho Ban điều hành chỉ đạo triển khai xây dựng lộ trình, kế hoạch thoái phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn. Công ty

đang xây dựng kế hoạch thoái hết phần vốn góp tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn phù hợp với quá trình triển khai Hợp đồng hợp tác đầu tư trên cơ sở theo đúng các quy định của pháp luật và bảo toàn vốn đầu tư.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn hỗ trợ kinh phí để Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng di dời nhà máy về khu Công nghiệp Châu Sơn, TP Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam. Công ty CP Tập đoàn Hoành Sơn đã chuyển 02 đợt cho Công ty CP Cao Su Sao Vàng với số tiền là 143.500.000.000 đồng. Do việc phải triển khai hoàn thiện các thủ tục hồ sơ đang thiếu theo quy định của Pháp luật về quản lý đất đai và quy định về di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành gửi công văn đến Công ty CP Tập đoàn Hoành Sơn đề nghị ký phụ lục giãn tiến độ thực hiện Hợp đồng hợp tác đầu tư đến khi hoàn thiện các thủ tục pháp lý và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Theo phụ lục hợp đồng số 03-18/2016/HĐHTĐT/SRC-HS ngày 02/7/2018 việc hỗ trợ tiền đợt 03 với số tiền 150.000.000.000 đồng sẽ được thực hiện đồng thời khi Công ty hoàn thiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất và di dời nhà máy theo quy định của pháp luật được cấp có thẩm quyền phê duyệt và sau khi Công ty bàn giao cho Công ty dự án một phần khu đất có diện tích từ 3ha đến 4ha thời điểm chuyển tiền sẽ đồng thời với thời gian bàn giao mặt bằng.

Vốn góp tại Công ty CP Philip Carbon Black là: 8.444.062.358 đồng, ngoài ra Công ty đã ứng trước tiền góp vốn với số tiền: 2.966.978.675 đồng, thực hiện trích lập dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư góp vốn trên với số tiền: 2.974.871.504 đồng, Công ty đang thực hiện thoái toàn bộ vốn khoản đầu tư này.

3) Công tác đầu tư xây dựng cơ bản (ĐTXDCB):

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản trong năm 2018 chủ yếu là thực hiện các hạng mục đầu tư mua sắm thiết bị lẻ chuyên tiếp từ năm 2017 và một số hạng mục đăng ký đầu tư mới năm 2018, việc xác định nhu cầu đầu tư thay đổi thường xuyên cho phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty dẫn đến phải điều chỉnh kế hoạch đầu tư. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản triển khai chậm so với kế hoạch.

- Đối với Dự án di dời và sản xuất lớp Radial:

Công ty đã ký hợp đồng số 17/HĐTĐ-HVPID với Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nam về việc thuê lại quyền sử dụng đất gắn với cơ sở hạ tầng, theo đó Công ty đã thuê lại 212.538 m² đất tại Lô E, khu Công nghiệp Châu Sơn, TP Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam với thời hạn thuê là 40 năm, Công ty đã được BQL các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận đầu tư dự án “Nhà máy Cao su Sao Vàng tại Hà Nam”. Công ty đã hoàn thành việc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án “Di dời và sản xuất lớp Radial”. Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đã được Ban quản lý các khu

Công nghiệp tinh Hà Nam thẩm định và thông qua, Công ty đang hoàn thiện hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án để trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4) Kiểm soát các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2018:

Năm 2018, HĐQT đã thực hiện nghiêm túc các nội dung tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, quyết định tập trung chỉ đạo sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng. BKS được mời tham dự những cuộc họp của Hội đồng quản trị, qua đó Ban kiểm soát nhận thấy:

- Thể thức cuộc họp, nội dung, biên bản cuộc họp: Các Nghị quyết, quyết định và văn bản của Hội đồng quản trị phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty.
- Các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị đã thể hiện mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông năm 2018, chỉ đạo về sản xuất kinh doanh để hoàn thành kế hoạch đề ra.
- Phân phối lợi nhuận năm 2017 đã thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018.
- Chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền 8% (đã tạm ứng 6%) được chi trả cho các cổ đông theo quy định của Nhà nước và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2018.
- Thực hiện tạm ứng cổ tức 2018 bằng tiền là 3%.
- Việc công bố thông tin được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, minh bạch, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Ban kiểm soát nhất trí với nội dung đánh giá kết quả thực hiện năm 2018 như báo cáo của Hội đồng quản trị.

5) Kiểm soát các nội dung hoạt động của Ban điều hành:

BKS không nhận được các đơn thư kiến nghị hay đề xuất của cổ đông về việc đề nghị kiểm tra, xác minh các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc công ty.

Ban Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện việc điều hành công ty một cách thống nhất, tập trung, đúng theo chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ.

Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2018: Công ty đã không hoàn thành kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Các chỉ tiêu cụ thể, đánh giá và nguyên nhân đã được nêu tại Báo cáo của Ban điều hành, Ban kiểm soát nhất trí với nội dung báo cáo của Ban điều hành.

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	TH 2018/KH	So với TH 2017
1. Giá trị SXCN				
+ Theo giá cố định:	390	381,8	97,9%	97,75
+ Theo giá thực tế	930,6	949,5	102,3%	99,1
2. Doanh thu	922	925,2	100,4%	99,1
3. Lợi nhuận trước thuế	37	15,3	41,2%	35,4

Các nội dung khác như chi phí đầu vào, các hợp đồng mua bán vật tư, hàng hóa, các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm Ban Kiểm soát thực hiện việc kiểm tra theo hình thức chọn mẫu ngẫu nhiên. Qua xem xét Ban Kiểm soát thấy Công ty đã tuân thủ quy định của nhà nước và quy chế của Công ty

Các quy chế và quy định của Công ty phù hợp với hình thức hoạt động của Công ty cổ phần đã được triển khai và hoạt động.

6) Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành:

Với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động, BKS luôn phối hợp, trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong các cuộc họp. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành phù hợp với mục tiêu của Hội đồng quản trị và các chính sách, chế độ quy định.

7) Ý kiến của các cổ đông:

BKS không nhận được ý kiến, đơn thư nào của các cổ đông về hoạt động của Công ty năm 2018.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát.

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát. (Xem phụ lục 01)

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

S T T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Tỷ lệ đầu kỳ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ cuối kỳ	Lý do tăng, giảm
1	Mai Chiến Thắng	TGD (trước 1/3/2019)	51.571	0,18	51.571	0,18	
2	Nguyễn Quang Hào	P.TGD	37.468	0,13	37.468	0,13	
3	Nguyễn Việt Hùng	TGD (từ 1/3/2019)	12	0,00	12	0,00	
4	Nguyễn Thanh Tùng	TV. HĐQT, KTT	7	0,00	7	0,00	
5	Ngô Tuấn Anh	TV. HĐQT	2.240	0,01	2.240	0,01	
6	Nghiêm Thị Thanh Hương	Vợ TGD Nguyễn Việt Hùng	3.788	0,01	3.788	0,01	
7	Trần Minh Tuấn	Trưởng BKS	1.411	0,01	1.411	0,01	
8	Hoàng Đức Dũng	TV. BKS	77	0,00	77	0,00	

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty.

- Việc thành lập các tiểu ban của Hội đồng quản trị chưa thực hiện, Hội đồng quản trị Công ty nhận thấy chưa cần thiết phải thành lập các tiểu ban này.
- Hiện nay các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc chưa tham gia nhiều các khóa đào tạo cơ bản về quản trị Công ty do các cơ sở đào tạo chưa có chương trình đào tạo tập huấn tại Hà Nội liên quan đến quản trị Công ty tổ chức.

VI. Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán (Đính kèm)

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GD&ĐT HCM;
- HĐQT, BKS (b/c)
- Đăng Website Công ty.
- Lưu HĐQT,

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Người đại diện theo pháp luật)



Nguyễn Việt Hùng

Công ty CP Cao su Sao Vàng

Phụ lục: 01

Địa chỉ: 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

THU NHẬP CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

Đơn vị tính: VNĐ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TIỀN LƯƠNG	THU NHẬP KHÁC	THU NHẬP TỪ CỔ TỨC CỦA SRC	TỔNG THU NHẬP	BÌNH QUẢN 1 THÁNG
1	Lâm Thái Dương	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách	0	60,000,000	0	60,000,000	5,000,000
2	Mai Chiến Thắng	Thành viên HĐQT từ tháng 1-4/2018. Tổng Giám đốc	252,110,000	136,454,000	9,798,490	398,362,490	33,196,874
3	Nguyễn Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc	221,425,000	121,693,000	7,118,920	350,236,920	29,186,410
4	Nguyễn Việt Hùng	Thành viên HĐQT từ tháng 5/2018. Phó Tổng Giám đốc	221,425,000	155,853,000	2,280	377,280,280	31,440,023
5	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT. Kế toán trưởng	217,092,197	164,050,373	1,330	381,143,900	31,761,992
6	Ngô Tuấn Anh	Thành viên HĐQT. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	253,928,957	130,378,100	425,600	384,732,657	32,061,055
7	Nguyễn Công Tuấn	Thành viên HĐQT. Đại diện Công ty CP Cao Su Quảng Nam	0	48,000,000	0	48,000,000	4,000,000
8	Trần Minh Tuấn	Trưởng ban Kiểm soát	202,749,500	56,315,250	268,090	259,332,840	21,611,070
9	Hoàng Đức Dũng	Thành viên ban kiểm soát. Đại diện Tập đoàn hóa chất Việt nam	0	30,000,000	14,630	30,014,630	2,501,219
10	Trần Đình Tùng	Thành viên ban kiểm soát. Đại diện Công ty CP Cao Su Quảng Nam	0	30,000,000	0	30,000,000	2,500,000
TỔNG CỘNG			1,368,730,654	932,743,723	17,629,340	2,319,103,717	193,258,643

